

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Phan Sào Nam báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: Trường THCS Phan Sào Nam
- Tên trước đây: Trường THCS Bán công Phan Sào Nam

2. Địa chỉ

657 Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38.395.125

Website: <http://thcsphansaonam@.hcm.edu.vn>

Email: <http://thcsphansaonam@.hcm.edu.vn>

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND Phường Bàn Cờ, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Nhiệm vụ: Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Xây dựng chiến lược phát triển trường THCS Phan Sào Nam phù hợp các nguồn lực của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tạo dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo. Giáo dục các thế hệ học sinh biết vượt qua khó khăn, phát triển hết năng lực để trở thành người công dân có ích cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.2. Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trường sẽ tiếp tục duy trì trường kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1. Phấn đấu nâng cao vị thế nhà trường để Trường THCS Phan Sào Nam sẽ là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục để Phụ huynh học sinh lựa chọn cho con em mình học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn tự giác phấn đấu vươn lên vì sự nghiệp của bản thân, vì danh dự và truyền thống của nhà trường, đáp ứng các yêu cầu phát triển của nền giáo dục nước nhà và từng bước hội nhập với quốc tế.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

- Trường THCS Phan Sào Nam phấn đấu hoàn thành mục tiêu dài hạn các tiêu chí sau:
 - Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng quy chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo.
 - Chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định theo từng năm học.

+ Đạt thương hiệu: Trường có hiệu suất đào tạo cao góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ: Kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức, phân công bố trí lao động hợp lí, phát huy hiệu quả phù hợp với yêu cầu giảng dạy; Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới và tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học; Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc: 100% giáo viên có trình độ đại học, 100% đạt trình độ chuẩn nghề nghiệp, trong đó xếp loại tốt từ 20% trở lên; Phần đầu 100% Cán bộ quản lý được bồi dưỡng chuẩn hoá nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị và tin học.

- Mục tiêu về chất lượng giáo dục:

+ Rèn luyện tốt – khá 90%, không có hạnh kiểm chưa đạt.

+ Học tập: Tốt 30%; khá: 40%, đạt trở lên: 95%, chưa đạt dưới 10%.

+ Hiệu suất đào tạo từ 90% trở lên.

+ Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường THPT theo đúng nguyện vọng từ 85% trở lên.

+ Học sinh bỏ học dưới 10%.

+ Học sinh lưu ban dưới 10%.

+ Học sinh lên lớp thẳng từ 94%.

+ Phần đầu học sinh lớp 9 có học sinh giỏi cấp Thành phố.

+ Phần đầu giáo viên dạy giỏi cấp Quận trở lên đạt 20% trở lên.

- Mục tiêu về cơ sở vật chất: Đảm bảo các phòng học được trang bị đủ hệ thống máy lạnh, đảm bảo đủ phương tiện, thiết bị dạy học trong các phòng học bộ môn, máy tính kết nối Internet, bảng tương tác, có đủ thiết bị dạy học theo quy định; thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các tiết thực hành; Đảm bảo trường học an toàn, cảnh quan sư phạm “Xanh - sạch - đẹp”.

- Mục tiêu về các mối quan hệ của nhà trường:

+ Đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan lãnh đạo.

+ Liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trên địa bàn, tạo điều kiện tốt nhất cho phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục của nhà trường.

+ Huy động sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài nhằm tăng cường cơ sở vật chất, thực hiện học bổng khuyến học khuyến tài nhằm giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Phan Sào Nam tọa lạc tại số 657 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3. Trường nằm gần khu vực ngã bảy Lý Thái Tổ, tiếp giáp Quận 10. Trước năm 1975, trường được mang tên là trường Trung học tư thục cấp I – II Phan Sào Nam. Trường được xây dựng vào năm 1963 do ông Lê Vũ tức Phạm Thanh Giang là chủ tài sản với 2 khu: Khu A gồm 1 trệt 3 lầu, khu B gồm 1 trệt 4 lầu. Sau năm 1975 thực hiện theo quyết định số 1458/QĐ-UBND về việc quốc lập hoá Trường tư thục Phan Sào Nam ở số 657 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3 theo chỉ thị số 06/CT/VP-B ngày 30- 8-1976 của Bộ giáo dục về việc cải tạo các trường tư thục lại trong năm học 1976 - 1977 và công văn số 890 về việc quốc lập hoá trường Phan Sào Nam. Trường được quốc hữu hoá theo chủ trương chung của ngành với tên gọi Trường phổ thông cơ sở cấp I - II Phan Sào Nam. Sau năm 1975, khi đất nước thống nhất Trường Trung học tư thục cấp I, II Phan Sào Nam đổi tên là Trường phổ thông cơ sở cấp I - II Phan Sào Nam. Năm học 1990 -1991 trường được chuyển sang hệ bán công theo chủ trương đa dạng hóa trường học. Năm học 2007 - 2008 trường chuyển sang hệ công lập và chính thức mang tên là trường THCS Phan Sào Nam theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Quận 3. Từ khi thành lập Trường THCS Phan Sào

Nam tiếp nhận học sinh từ lớp 6 đến lớp 9. Tổng diện tích khuôn viên trường 1.367,3 m², trong đó diện tích sân chơi là 361m². Trường thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày, bán trú cho học sinh khối 6, 7, 8, 9 nhằm tập trung cho việc bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt, giãn thời gian với các nội dung dài, khó dưới sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động văn nghệ, thể thao, và các hình thức câu lạc bộ ngoại khóa phù hợp với đối tượng học sinh.

Phòng Lab mới hiện đại với 45 máy để học sinh học tập và nâng cao Tiếng Anh với người bản ngữ. Có 4 phòng bộ môn để giáo viên và học sinh tiếp cận phương pháp giảng dạy và học tập mới với bảng tương tác và máy chiếu. Có 6 phòng ngủ máy lạnh với giường ngủ thoáng, rộng. Có đầy đủ các phòng chức năng và phục vụ học tập, có phòng truyền thống, thư viện rộng rãi, sạch sẽ được gắn máy lạnh phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt cho các học sinh. Hệ thống phòng chức năng và phục vụ học tập trong trường có 100% phòng máy lạnh.

Ngày 30/9/2019, sau 56 năm thành lập, trường THCS Phan Sào Nam chính thức được khởi công xây dựng và cải tạo lại. Ngôi trường mới khang trang hiện đại, gồm 15 phòng học, 5 phòng chức năng: Phòng Tiếng Anh, phòng vi tính, phòng bộ môn Khoa học tự nhiên với các thiết bị đáp ứng được yêu cầu đổi mới, toàn diện giáo dục, trong giai đoạn hiện nay của ngành.

Hệ thống các phòng truyền thống, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng y tế, phòng hội đồng rộng rãi và có trang bị 100% có máy lạnh. Riêng 5 phòng ngủ bán trú có máy lạnh và hệ thống giường ngủ rộng và thoáng. Khối văn phòng gồm có 4 phòng: Phòng Hiệu trưởng, phòng phó Hiệu trưởng, phòng họp và văn phòng.

Mô hình lớp học có sĩ số vừa phải (35 - 45 học sinh/lớp) và thuộc loại hình trường dạy học 2 buổi/ngày, có lớp Tiếng anh tăng cường từ năm học 2015 - 2016; Trường có bán trú cho học sinh khối 6,7,8,9 và hệ thống phòng ngủ riêng, học sinh được quan tâm chăm sóc chu đáo. Cũng chính việc kết hợp thường xuyên và kịp thời trong công tác phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình đã làm hài lòng đối với tất cả quý Phụ huynh học sinh khi có con em học tại trường.

Năm học 2024 - 2025, trường có 583 học sinh và được chia thành 16 lớp với 43 cán bộ giáo viên, nhân viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Gồm có 03 tổ chuyên môn: Tổ Toán - Tin - KHTN, tổ Văn - Anh, tổ LSĐL - GDGD - CN - VTM và 01 tổ Văn phòng, hoạt động theo đúng chức năng và yêu cầu giáo dục hiện nay.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Bà Vương Thanh Phương.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: 657 Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Tp Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 093177833

Email: vtphuong.psnq3@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy.

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 58/2007/QĐ-UBND ngày 11/06/2007 của UBND Quận 3 về việc cho phép chuyển Trường THCS bán công Phan Sào Nam Quận 3 thành Trường THCS Phan Sào Nam trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 3.

Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND Phường Bàn Cờ về việc thành lập Trường THCS Phan Sào Nam thuộc Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Phan Sào Nam thuộc Ủy ban nhân dân Quận 3.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023-2027 được công nhận theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của UBND Quận 3.

Hội đồng trường gồm 11 thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ công tác hiện nay	Chức vụ Hội đồng trường	Ghi chú
1	Bà Vương Thanh Phương	Bí thư chi bộ-HT	Chủ tịch	
2	Bà Triệu Thị Lựu	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
3	Bà Huỳnh Lý Ngân Anh	Bí thư chi đoàn	Ủy viên	
4	Ông Bùi Thanh Hải	Trưởng BTTND	Ủy viên	
5	Bà Nguyễn Thị Pha	Tổ trưởng CM	Thư ký	
6	Bà Lê Thị Hồng Tâm	Tổ trưởng CM	Ủy viên	
7	Bà Cao Thị Hương Lan	Tổ trưởng CM	Ủy viên	
8	Ông Trần Văn Bình	Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên	
9	Bà Phan Thị Thanh Nhân	Phó chủ tịch UBND P.1	Ủy viên	
10	Bà Phạm Phan Hoàng Vân	Trưởng Ban ĐDCMHS	Ủy viên	Năm học 2024- 2025
11	Em Đặng Phương Anh	Đại diện Học sinh	Ủy viên	

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

- Hiệu trưởng: Bà Vương Thanh Phương theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND Quận 3 về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Phan Sào Nam; Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của UBND Phường Bàn Cờ về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý Trường THCS Phan Sào Nam.

- Phó hiệu trưởng: Ông Nguyễn Thanh Lâm theo quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND Phường Bàn Cờ về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Phan Sào Nam.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy

7.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Phan Sào Nam

Quyết định số 29/QĐ-PSN ngày 9 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường THCS Phan Sào Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường THCS Phan Sào Nam.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Trường THCS Phan Sào Nam được thành lập theo Quyết định số 58/2007/QĐ-UBND ngày 11/06/2007 của UBND Quận 3.

Điều 2 Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND Phường Bàn Cờ về việc thành lập Trường THCS Phan Sào Nam thuộc Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ trên cơ sở tổ chức lại Trường THCS Phan Sào Nam thuộc Ủy ban nhân dân Quận 3.

7.4.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

Tổ chức bộ máy của nhà trường gồm: Hội đồng trường với 11 thành viên; Các Hội đồng: Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường), hội đồng liên tịch; Chi bộ Đảng có 18 đảng viên; Công đoàn có 43 công đoàn viên; Chi đoàn có 11 đoàn viên; 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Kế hoạch số 14/KH-PSN ngày 01 tháng 3 năm 2021 về Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Phan Sào Nam giai đoạn 2021 – 2025

Kế hoạch số 22/KHGD-PSN ngày 23 tháng 9 năm 2024 về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND Quận 3 giao năm 2024:

Số biên chế được giao năm 2024: 44

Số biên chế hiện tại: 37

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	00	
Giáo viên	31	27	00	00	29	02	
Nhân viên	04	4	00	00	04	00	
Hợp đồng 111	04	02	01	01	03	00	
Hợp đồng trường	03	01	00	02	01	00	
Cộng	44	35	00	08	34	03	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Phan Sào Nam năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh nghề	Chuẩn nghề nghiệp
-----	----------	---------	------------------	---------------------	-------------------

		TS	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dướ i TC	Hạ n g III	Hạ n g II	Hạ n g I	Xuất sắc	Khá	Trun g bình	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44	0	03	32	01	03	6	13	21	0	05	27	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	31	0	02	29	0	0	0	12	19	0	04	27	0	0
1	Toán	4	0	0	4	0	0	0	3	1	0	4	0	0	0
2	KHTN	5	0	0	5	0	0	0	2	3	0	3	1	0	0
3	Công nghệ	2	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	2	0	0
4	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
5	Ngữ văn	5	0	0	4	0	0	0	1	4	0	1	4	0	0
6	Tiếng Anh	5	0	0	5	0	0	0	2	3	0	1	4	0	0
7	GDCD	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	0	2	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	2	1	0	0
9	GDTC	2	0	1	1	0	0	0	1	1	0	0	2	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
11	NT (Âm nhạc)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
12	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	GDDP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0
III	Nhân viên	11	0	0	2	1	3	6							
1	NV văn thư	1	0	0	0	0	1	0							
2	NV kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0							
5	NV thư viện	1	0	0	0	0	1	0							

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	44	0	03	32	01	03	6	13	21	0	05	27	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	0	0	0	1							
4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên CNTT	0	0	0	0	0	0	0							
9	Quản sinh	2	0	0	0	1	1	0							
10	Bảo vệ (NĐ 111)	2	0	0	0	0	0	1							
11	Lao vụ (NĐ111)	2	0	0	0	0	0	0							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	16	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	Cấp 3	-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	16/16	-
8	Bình quân học sinh/lớp	37.0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	1.367,3m ²	2,486 m ² /hs
V	Tổng diện tích sàn (m ²)	3.134,6m ²	5,7 m ² /hs

VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	896	1.79
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	304	0.55
3	Diện tích thư viện (m ²)	64	0.18
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	56	0.09
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	48	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	93	6
1.1	Khối lớp 6	23	5
1.2	Khối lớp 7	22	6
1.3	Khối lớp 8	24	8
1.4	Khối lớp 9	24	8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	11	1
2.1	Khối lớp 6	3	1
2.2	Khối lớp 7	2	1
2.3	Khối lớp 8	3	1
2.4	Khối lớp 9	3	1
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ 12.24
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	01/lớp
2	Cát xét	5	0,33
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0,2
5	Thiết bị khác...		
6		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0

XI	Nhà ăn	0
----	--------	---

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	5/840	400	4,2
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		x
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Phan Sào Nam đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quyết định số 629-36/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và báo cáo, cập nhật trên phần mềm kiểm định của Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá như sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, kế hoạch cải tiến chất lượng
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

6. Viết báo cáo tự đánh giá.

7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, Cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên, nhân viên phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và có kinh nghiệm nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá năm học 2024 - 2025: Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn hơn; Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 1. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ đón đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận lần tiếp theo vào năm học 2027-2028.

V. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA NĂM HỌC 2024-2025

STT	TÊN SÁCH	BỘ SÁCH
KHỐI 6		
1	Ngữ văn 6, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
2	Toán 6, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 6, i-Learn Smart World TATC 6, Achievers grade 6	
4	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo
5	Lịch sử và Địa lí 6	Chân trời sáng tạo
6	Giáo dục công dân 6	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 6	Chân trời sáng tạo
8	Tin học 6	Cánh Diều
9	Âm nhạc 6	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo bản 1
11	Giáo dục thể chất 6	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo bản 1
KHỐI 7		
1	Ngữ văn 7, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
2	Toán 7, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 7, i-Learn Smart World	

	TATC 7, Achievers grade 7	
4	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo
5	Lịch sử và Địa lí 7	Chân trời sáng tạo
6	Giáo dục công dân 7	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 7	Chân trời sáng tạo
8	Tin học 7	Cánh Diều
9	Âm nhạc 7	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 7	Chân trời sáng tạo bản 1
11	Giáo dục thể chất 7	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo bản 1
KHỐI 8		
1	Ngữ văn 8, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
2	Toán 8, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 8, i-Learn Smart World TATC 8, Achievers grade 6	
4	Khoa học tự nhiên 8	Cánh Diều
5	Lịch sử và Địa lí 8	Chân trời sáng tạo
6	Giáo dục công dân 8	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 8	Chân trời sáng tạo
8	Tin học 8	Cánh Diều
9	Âm nhạc 8	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 8	Chân trời sáng tạo bản 1
11	Giáo dục thể chất 8	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo bản 1
KHỐI 9		
1	Ngữ văn 9, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
2	Toán 9, tập một và tập hai	Chân trời sáng tạo
3	Tiếng Anh 9, i-Learn Smart World TATC 9, Achievers grade 9	

4	Khoa học tự nhiên 9	Chân trời sáng tạo
5	Lịch sử và Địa lí 9	Chân trời sáng tạo
6	Giáo dục công dân 9	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 9 (Mô đun: Định hướng trải nghiệm nghề nghiệp và lắp đặt mạng điện trong nhà)	Chân trời sáng tạo
8	Tin học 9	Cánh Diều
9	Âm nhạc 9	Chân trời sáng tạo
10	Mĩ thuật 9	Chân trời sáng tạo bản 1
11	Giáo dục thể chất 9	Chân trời sáng tạo
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo bản 1

VI. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC NĂM HỌC 2024-2025

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có: 01 VC.
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ có: 42 VC - NLD.
- Hoàn thành nhiệm vụ có: 00 VC.
- Không hoàn thành nhiệm vụ có: 00 VC.

VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

1. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

Stt	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Điều kiện tuyển sinh.	Theo quy định của UBND Q3 và Phòng GD&ĐT Q3.	Theo quy định của UBND Q3 và Phòng GD&ĐT Q3.	Theo quy định của UBND Q3 và Phòng GD&ĐT Q3.	Theo quy định của UBND Q3 và Phòng GD&ĐT Q3.
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT.	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT.	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT.	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT.
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập.	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GD Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập.

4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, văn thể mỹ, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 100% trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 100% trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 100% trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 100% trở lên.
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 4 năm bậc THCS.	Học đủ 3 năm bậc THCS.	Học đủ 2 năm bậc THCS.	Hoàn thành chương trình bậc THCS, TN.THCS và vào lớp 10 THPT hệ công lập.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024 – 2025

Thực hiện nguyên lý giáo dục 5H của ngành giáo dục và đào tạo quận 3: Hạnh – Học – Hỏi – Hiểu – Hành. Trường THCS Phan Sào Nam đề ra và thực hiện kế hoạch, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo chương trình và kế hoạch do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá được đầy mạnh nhằm nâng cao chất lượng. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh chưa đạt cũng được quan tâm đúng mức. Kết quả chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	581	157	181	137	106
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	482 82,96%	116 73,89%	153 84,53%	112 88,32%	92 86,79%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	87 14,97%	37 23,57%	22 12,15%	15 10,95%	13 12,26%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 2,07%	04 2,55%	06 3,31%	01 0,72%	01 0,94%
3	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00

II	Số học sinh chia theo học tập	581	157	181	137	106
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	244 42,00%	59 37,58%	82 45,30%	65 47,45%	38 35,85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	207 35,63%	55 33,03%	62 34,25%	40 29,20%	50 47,17%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	124 21,33%	37 23,56%	37 20,44%	32 23,36%	18 16,98%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 3,83%	6 3,83%	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	581	157	181	137	106
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	575	151	181	137	106
a	Học sinh Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	244 42,00%	59 38,78%	53 38,41%	42 39,62%	40 36,04%
b	Học sinh Khá (tỷ lệ so với tổng số)	207 35,63%	72 36,73%	48 34,78%	36 33,96%	44 39,64%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	16 2,76%	11 7,01%	00	05 3,65%	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	06 3,83%	06 3,83%	00	00	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	163/8	161/4	2/2	0/2	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	05	-	-	-	05
1	Cấp quận	06	-	-	-	06
2	Cấp thành phố	02	-	-	-	02
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	106	-	-	-	106
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	106	-	-	-	106
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	38 35,85%	-	-	-	38 35,85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 47,17%	-	-	-	50 47,17%
3	Đạt	18	-	-	-	18

	(Tỷ lệ so với tổng số)	16,98%				16,98%
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	299/282	69/83	88/93	76/61	60/46
VIII	Số HS dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00
IX	Kết quả tuyển sinh 10: + Tổng số học sinh dự thi: 93 + Tổng số học sinh đậu các trường công lập: 88 + Tỷ lệ: 94,62%					

VIII. TÀI CHÍNH NĂM 2025 (Số liệu ghi nhận đến hết ngày 01/8/2025)

STT	Các quỹ	Tồn đầu kỳ Tính đến T12/2024	Thu	Chi	Tồn
I	Thu hộ chi hộ				
1	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	44.685.000	159.555.000	204.240.000	0
2	Tiền suất ăn trưa bán trú	163.627.000	1.312.852.000	1.443.430.000	33.049.000
3	Bảo hiểm y tế- bảo hiểm tai nạn HS	84.108.037	149.907.621	150.137.562	83.878.096
4	Tiền nước uống HS	5.805.925	52.935.000	48.055.000	10.685.925
5	Học phẩm	37.935.614	550.000	6.571.000	31.914.614
6	Sử dụng máy lạnh phòng ngủ BT, phòng học lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	1.868.408	143.281.339	118.656.252	26.493.495
7	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh BT	75.566.345	41.100.000	15.574.100	101.092.245
	Cộng I	413.596.329	1.860.180.960	1.986.663.914	287.113.375
II	Các quỹ				
1	Quỹ Khen thưởng	234.671.279	21.770.000	84.026.000	172.415.279
2	Quỹ Phúc Lợi	378.429.638	0	168.432.000	209.997.638
3	Quỹ bổ sung thu nhập	1.256.500.311	0	978.970.280	277.530.031
4	Quỹ Phát triển sự nghiệp	418.629.597	0	101.934.620	316.694.977
	Cộng II	2.288.230.825	21.770.000	1.333.362.900	976.637.925
III	Thu dịch vụ				
1	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài		603.212.500	493.300.474	109.912.026

2	Tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ		96.057.000	46.594.750	49.462.250
3	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh BT		479.542.000	227.090.928	252.451.072
4	Tổ chức 2 buổi/ngày		443.813.250	284.361.170	159.452.080
5	Học phí		448.980.000	226.755.604	222.224.396
6	Tổ chức dạy kỹ năng sống		219.350.000	200.865.500	18.484.500
7	Tổ chức giáo dục Stem		274.187.500	249.011.450	25.176.050
8	Tổ chức theo đề án kỹ năng ứng dụng tin học chuẩn Quốc tế		41.700.000	24.421.500	17.278.500
	Cộng III		2.606.842.250	1.752.401.376	854.440.874
IV	Nhà nước				
1	Cải cách tiền lương	1.265.855.875			1.265.855.875
2	Căn tin nộp cho nhà nước		40.500.000		40.500.000
	Cộng IV		5.254.184.500	3.504.802.752	1.306.355.875
V	Tiền gửi kho bạc ngân hàng				
1	Tiền gửi học phí kho bạc				720.812.622
2	Tiền gửi khoản khác				8.100.000
3	Tiền gửi có kỳ hạn tại NH Công Thương CN3				800.000.000
4	Tiền gửi không hạn tại NH Công Thương CN3				54.914.397
5	Tiền gửi không kỳ hạn ngân hàng ACB				1.458.953.745
6	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng ACB				300.000.000
7	Tiền gửi thu hộ chi hộ học phí tại ngân hàng ACB				110.670.813
	Cộng V				3.453.451.577
VI	Ngân sách cấp năm 2024				
1	Chi lương cho QL, GV, NV, phụ cấp, đóng bảo hiểm				7.338.000.000
2	Cấp bù học phí theo NQ của HĐND TP, dạy thêm giờ theo TT 07, kinh phí GV dạy HS hoà nhập.				634.000.000

3	Kinh phí chi quỹ thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP				349.000.000
4	Chi thu nhập tăng thêm NQ 08 của TP.				5.199.000.000
	Cộng VI				13.520.000.000
VII	Miễn giảm học phí và các khoản thu khác NH 2024-2025				
1	Diện học sinh hộ cận nghèo có 7 học sinh				
2	Diện học sinh khó khăn địa phương xác nhận có 2 học sinh				
3	Con CBGV có 4 học sinh				
4	Cấp bù chi phí học tập diện học sinh hoà nhập có 22 HS với tổng số tiền: 28.800.000				

IX. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống, stem cũng được thường xuyên tổ chức lồng ghép trong các chủ đề giáo dục ngoài giờ lên lớp của BGD-ĐT. Qua đó, chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến toàn diện: Tỷ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh xuất sắc, giỏi hàng năm đều tăng; học sinh giỏi các cấp mỗi năm đều duy trì về số lượng và chất lượng.

Trong năm học 2024 – 2025 ngoài các nhiệm vụ trọng tâm, nhà trường còn tổ chức và tham gia các hoạt động chuyên môn, phong tràocủa các cấp và đạt được kết quả như sau:

Stt	NỘI DUNG	KẾT QUẢ
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng kế hoạch bài dạy 35% bài giảng E-learning và đưa lên LMS	1131 bài giảng E-learning trên LMS đạt mức độ 2
2	Tham gia Hội thi “Giáo viên giỏi ứng dụng CNTT trong giảng dạy” Quận 3.	03 giáo viên tham gia, không có giải
3	Tham gia cuộc thi cấp Thành phố “Thiết kế Kế hoạch dạy học STEM”	03 giáo viên tham gia, không có giải
4	Tổ chức thực hiện câu lạc bộ STEM trong nhóm KHTN	Sản phẩm: sáp thơm, mẫu ướp giun đất, lồng đèn kéo quân, xe thủy lực (Giải nhì cấp Quận), hệ thống tưới cây tự động, tên lửa nước, mô hình quan sát các hình dạng mặt trăng, pha chế nước rửa tay.v.v....
5	Tham gia hoạt động thi “Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật do Thành phố tổ chức”	01 Mô hình trang trại thông minh.
6	Tham gia hội thi District 3’s Got Talent Tài Năng Tiếng Anh Quận 3	01 Giải nhất thiết kế đoạn Phim ngắn.
7	Học sinh đạt HS giỏi cấp Quận	03 HS Giỏi KHTN, 02 HS Toán, 01 HS Giỏi Toán

		casio.
8	Học sinh đạt HS giỏi cấp Thành phố	Môn Toán: 01 HS đạt Giải ba. Toán casio: 01 HS đạt Giải nhì.
9	Tham gia hội thi TDTT cấp quận, cấp thành phố	10 huy chương vàng, 9 huy chương bạc, 8 huy chương đồng cấp quận.
10	Tham gia hội thi TDTT cấp thành phố	3 huy chương vàng, 5 huy chương bạc, 01 huy chương đồng cấp thành phố.
11	Công trình xã hội hoá giáo dục	6 ghế đá sân trường, 01 màn hình Led, hệ thống bảng 5 lớp học, 01 hệ thống camera phòng học,

Nơi nhận:

- Niêm yết bản tin, web trường;
- Lưu: VT.



Vương Thanh Phương